

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST

Ngày: 30-09-2024

V/v: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2024/TLST-KDTM, ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Hồ V, sinh năm 1990; ông Nguyễn Lâm Huy T, sinh năm 1992; ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990; bà Vũ Thị Hồng P, sinh năm 1999; Cùng địa chỉ: A N, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy uỷ quyền số 725/2023/UQ-NCB ngày 24/10/2023). Ông V có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần V1; Địa chỉ trụ sở: D (nay là 271) đường H, Nam Cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quốc K; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Địa chỉ liên hệ: 2 N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/12/2023; quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Hồ V trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (N) – Chi nhánh Đ đã ký kết các Hợp đồng tín dụng cho Công ty cổ phần V1 vay cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay số 068/17/HĐCV-9223 ngày 07/06/2017 (KUNN số 001/KUNN/068/17/HĐCV-9223 ngày 08/06/2017) với số tiền 2.814.000.000đ

(*Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm mười bốn triệu đồng*), thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho 06 tháng sau là 9%/năm; lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3.5%/năm.

- Hợp đồng vay số 038/17/HĐCV/106-79 ngày 16/03/2017 (KUNN số 001/2017/KUNN/038/17/106-79 ngày 17/03/2017) với số tiền 1.876.000.000đ (*Bằng chữ: Một tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu đồng*), thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất trong năm đầu là 8%/năm; lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 3.5%/năm.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, Công ty cổ phần V1 đã ký với N các Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 071/2017/HĐTC/106-9223 ngày 07/06/2017 và Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 040/2017/HĐTC/106-79 ngày 16/03/2017. Các tài sản bảo đảm bao gồm:

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-155.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 037966 cấp ngày 16/05/2017;

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-155.52 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô Số 037965 cấp ngày 16/05/2017;

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-155.66 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô Số 037968 cấp ngày 16/05/2017;

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-146.20 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô Số 034656 cấp ngày 03/03/2017;

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-146.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô Số 034655 cấp ngày 03/03/2017.

Các tài sản bảo đảm nêu trên đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật. Đến ngày 17/12/2021, Công ty cổ phần V1 đề nghị giải chấp đối với các tài sản bảo đảm nêu trên, N đồng ý cho Công ty V1 thanh toán số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) để giải chấp toàn bộ các tài sản với điều kiện vẫn phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho đến khi hết nợ. Ngày 21/12/2021, N đã bàn giao 05 tài sản bảo đảm và 05 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho Công ty cổ phần V1. Khoản vay tín dụng có tài sản bảo đảm chuyển thành khoản vay không có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, sau khi nộp 3.000.000.000 đồng và giải chấp các tài sản trên thì Công ty V1 không hợp tác làm việc, không thanh toán dư nợ còn lại tại N. Quá trình vay vốn, Công ty V1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ tại các Hợp đồng cho vay đã ký với N. Vì vậy, N nộp đơn khởi yêu cầu C thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Theo đơn khởi kiện, N yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty cổ phần V1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ vay là 2.881.624.657 đồng, trong đó nợ gốc là 526.800.361 đồng, nợ lãi là 850.338.611 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.128.129.351 đồng và lãi chậm trả lãi là 376.356.334 đồng.

Buộc Công ty cổ phần V1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q kể từ ngày 07/9/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Buộc Công ty cổ phần V1 phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, Ngân hàng N bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc Công ty V1 phải thanh toán cho N tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là: 3.054.183.423đ (*Ba tỷ không trăm năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: nợ gốc là 526.800.361 đồng, nợ lãi trong hạn là 850.338.611 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.260.221.741 đồng và lãi chậm trả lãi là: 416.822.710 đồng.

Buộc Công ty V1 phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại các Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ đã ký với N kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Buộc Công ty V1 phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án.

** Đại diện bị đơn Công ty cổ phần V1 mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

** Về quan điểm giải quyết vụ án:*

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 2; khoản 1 Điều 3; Điều 4 và Điều 6 của Luật Thương mại số 17/VBHN-VPQH ngày 05/7/2019;

- Căn cứ vào Điều 12 của Luật Ngân hàng N1;

- Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 275; các Điều 280, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Điều 8 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn là Công ty cổ phần V1. Buộc Công ty cổ phần V1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền 3.054.183.423đ (*Ba tỷ không trăm năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: nợ gốc là 526.800.361 đồng, nợ lãi trong hạn là 850.338.611 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.260.221.741 đồng và lãi chậm trả lãi là: 416.822.710 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng vay số 068/17/HĐCV-9223 ngày 07/06/2017, Hợp đồng vay số 038/17/HĐCV/106-79 ngày 16/03/2017 kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Công ty cổ phần V1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo luật định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về pháp luật áp dụng*: Căn cứ vào Hợp đồng vay số 068/17/HĐCV-9223 ngày 07/06/2017, Hợp đồng vay số 038/17/HĐCV/106-79 ngày 16/03/2017 (sau đây gọi là các Hợp đồng tín dụng) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Đ với Công ty cổ phần V1. Các bên có tranh chấp trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần V1 phải trả nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 2; khoản 1 Điều 3; Điều 4 và Điều 6 của Luật Thương mại số 17/VBHN-VPQH ngày 06/07/2019; Điều 12 của Luật Ngân hàng N1; các Điều 90, 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các quy định của Bộ luật dân sự và pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q khởi kiện đối với bị đơn là Công ty cổ phần V1 có địa chỉ tại B H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng tín dụng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[3] *Về thủ tục tố tụng*:

[3.1] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đại diện bị đơn Công ty cổ phần V1 là ông Bùi Quốc K vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị đơn.

[3.2] *Về nội dung*: Ngân hàng TMCP Q (N) – Chi nhánh Đ đã ký kết các Hợp đồng tín dụng cho Công ty cổ phần V1 vay cụ thể như sau:

Hợp đồng vay số 068/17/HĐCV-9223 ngày 07/06/2017 (KUNN số 001/KUNN/068/17/HĐCV-9223 ngày 08/06/2017) với số tiền 2.814.000.000đ (Hai tỷ tám trăm mười bốn triệu đồng), thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho 06 tháng sau là 9%/năm; lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3.5%/năm.

Hợp đồng vay số 038/17/HĐCV/106-79 ngày 16/03/2017 (KUNN số 001/2017/KUNN/038/17/106-79 ngày 17/03/2017) với số tiền 1.876.000.000đ (Một tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu đồng), thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất trong năm đầu là 8%/năm; lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 3.5%/năm.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, Công ty cổ phần V1 đã ký với N các Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 071/2017/HĐTC/106-9223 ngày 07/06/2017 và Hợp đồng thế chấp ô tô, phương

tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 040/2017/HĐTC/106-79 ngày 16/03/2017. Các tài sản bảo đảm bao gồm:

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-155.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 037966 cấp ngày 16/05/2017;

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-155.52 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 037965 cấp ngày 16/05/2017;

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-155.66 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 037968 cấp ngày 16/05/2017;

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-146.20 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 034656 cấp ngày 03/03/2017;

+ Xe ô tô tải BSK: 43C-146.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 034655 cấp ngày 03/03/2017.

Các tài sản bảo đảm nêu trên đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật. Đến ngày 17/12/2021, Công ty cổ phần V1 đề nghị giải chấp đối với các tài sản bảo đảm nêu trên, Ngân hàng N đồng ý cho Công ty cổ phần V1 thanh toán số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) để giải chấp toàn bộ các tài sản với điều kiện vẫn phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho đến khi hết nợ. Ngày 21/12/2021, Ngân hàng N đã bàn giao 05 tài sản bảo đảm và 05 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho Công ty cổ phần V1. Khoản vay tín dụng có tài sản bảo đảm chuyển thành khoản vay không có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, sau khi nộp số tiền 3.000.000.000 đồng và giải chấp các tài sản thế chấp nêu trên thì Công ty cổ phần V1 không hợp tác làm việc, không thanh toán dư nợ còn lại tại Ngân hàng N. Quá trình vay vốn, Công ty cổ phần V1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại các Hợp đồng cho vay đã ký với Ngân hàng N.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:* Hợp đồng vay số 068/17/HĐCV-9223 ngày 07/06/2017 và Hợp đồng vay số 038/17/HĐCV/106-79 ngày 16/03/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty cổ phần V1 là giao dịch hợp pháp, tự nguyện, mục đích và nội dung không trái quy định của pháp luật. Do bị đơn là Công ty cổ phần V1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 3.055.110.340đ (*Ba tỷ không trăm năm mươi lăm triệu một trăm mười nghìn ba trăm bốn mươi đồng*), trong đó: nợ gốc là: 526.800.361 đồng, nợ lãi trong hạn là 850.338.611 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.260.611.991 đồng và lãi chậm trả lãi là: 417.359.377 đồng là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 275; các Điều 280, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12 của Luật Ngân hàng N1; các Điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 và Điều 8 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[5] Bị đơn là Công ty cổ phần V1 không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Mức án phí cụ thể mà Công ty cổ phần V1 phải chịu: 72.000.000 đồng + (3.055.110.340 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2% = 93.102.206 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 2; khoản 1 Điều 3; Điều 4 và Điều 6 của Luật Thương mại số 17/VBHN-VPQH ngày 06/07/2019;

- Căn cứ vào Điều 12 của Luật Ngân hàng N1;

- Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 275; các Điều 280, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Điều 8 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn là Công ty cổ phần V1 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”.

+ Buộc Công ty cổ phần V1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền là: 3.054.183.423đ (*Ba tỷ không trăm năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: nợ gốc là 526.800.361 đồng, nợ lãi trong hạn là 850.338.611 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.260.221.741 đồng và lãi chậm trả lãi là: 416.822.710 đồng (*lãi tính đến ngày 30/9/2024*).

+ Buộc Công ty cổ phần V1 phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng vay số 038/17/HĐCV/106-79 ngày 16/03/2017 (KUNN số 001/2017/KUNN/038/17/106-79 ngày 17/03/2017); Hợp đồng vay số 068/17/HĐCV-9223 ngày 07/06/2017 (KUNN số 001/KUNN/068/17/HĐCV-9223 ngày 08/06/2017) đã ký với Ngân hàng Q kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Buộc Công ty cổ phần V1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 93.102.206đ (*Chín mươi ba triệu, một trăm lẻ hai nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng*).

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí là 44.816.246đ (Bốn mươi bốn triệu, tám trăm mười sáu nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000652 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đức Thiện